

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/DS-ST

Ngày: 11/7/2022.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phạm Hồng Trường.
- *Các hội thẩm nhân dân*:
- 1. Ông Ngô Văn Tuyền.
- 2. Ông Nguyễn Văn Hải.
- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Bình.

Là: Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa*:
- Ông Y Dim Kbuôr. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 207/2022/TLST - DS, ngày 05 tháng 5 năm 2022. Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2022/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 6 năm 2022.

Giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Ông Nguyễn Anh T. Sinh năm: 1974
Và bà Võ Thị Minh H. Sinh năm: 1976

Cùng địa chỉ: Số nhà 31 đường N, tổ dân phố 2, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
(Ông T, bà H có mặt)

- **Bị đơn**: Ông Trần Hưng Th. Sinh năm: 1984

Địa chỉ: Số nhà 28 đường L, tổ dân phố 4, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi công tác: Cơ sở điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh ĐL.

Địa chỉ: Thôn 4, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

Và bà Vũ Thị Hải N. Sinh năm: 1988

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi công tác: Trường tiểu học CCL.

Địa chỉ: Buôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/4/2022 của nguyên đơn Ông Nguyễn Anh T và bà Võ Thị Minh H. Tại bản tự khai ngày 20/5/2022, trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Ông Nguyễn Anh T và bà Võ Thị Minh H trình bày:

Vào ngày 26/01/2021 vợ chồng tôi có cho vợ chồng Ông Trần Hưng Th, bà Vũ Thị Hải N (Hiện nay đã ly hôn) vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), khi vay Ông Th là người trực tiếp viết giấy vay tiền, vợ chồng Ông Th, bà N ký tên xác nhận dưới mục người vay tiền, hai bên thỏa thuận lãi suất vay bằng miệng là 2%/tháng, thời hạn vay là 01 năm tính từ ngày vay 26/01/2021 đến ngày 26/01/2022, vợ chồng Ông Th, bà N không thể chấp bất kỳ tài sản nào cho vợ chồng tôi.

Tuy nhiên, cho đến nay đã quá thời hạn trả nợ từ lâu, mặc dù vợ chồng tôi đã nhiều lần yêu cầu Ông Th, bà N phải có trách nhiệm hoàn trả cho vợ chồng tôi số tiền vay gốc và tiền lãi suất phát sinh theo thỏa thuận, nhưng Ông Th, bà N luôn viện cớ làm ăn khó khăn, cứ khất lần, chỉ mới hoàn trả được cho vợ chồng tôi số tiền lãi suất là 15.000.000 đồng mà chưa hoàn trả cho vợ chồng tôi được bất kỳ số tiền vay gốc nào. Trong đơn khởi kiện và trong quá trình hòa giải tại Tòa án do có sự nhầm lẫn nên vợ chồng tôi xác định Ông Th, bà N chỉ mới hoàn trả cho vợ chồng tôi số tiền lãi suất 10.000.000 đồng, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay sau khi hai bên đối chiếu lại công nợ vợ chồng tôi xác nhận Ông Th, bà N đã hoàn trả cho vợ chồng tôi số tiền lãi suất 15.000.000 đồng.

Nguyên vọng: Vợ chồng tôi yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để buộc Ông Trần Hưng Th và bà Vũ Thị Hải N phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho vợ chồng tôi số tiền vay gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và khoản tiền lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật là 1,66%/tháng kể từ ngày vay 26/01/2021 cho đến khi Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc giải quyết xong vụ án. Ông Th, bà N được khấu trừ số tiền lãi suất đã trả cho vợ chồng tôi là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Ngoài ra chúng tôi không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai ngày 20/5/2022 và tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Vũ Thị Hải N trình bày:

Vào ngày 26/01/2021 tôi và Ông Trần Hưng Th có vay của vợ chồng Ông T, bà H số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất vay bằng miệng là 2%/tháng, thời hạn vay 01 năm tính từ ngày vay 26/01/2021 đến ngày 26/01/2022. Chúng tôi vay số tiền trên của vợ chồng Ông T, bà H để về đầu tư vốn kinh doanh trường mẫu giáo tư thục, tuy nhiên cho đến nay do điều kiện hoàn cảnh kinh tế khó khăn, dịch bệnh Covid 19 kéo dài nên việc làm ăn gặp nhiều thua lỗ, vì vậy chúng tôi chỉ mới hoàn trả cho vợ chồng Ông T, bà H số tiền lãi suất là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) mà chưa hoàn trả cho vợ chồng Ông T, bà H được bất kỳ số tiền vay gốc nào.

Tôi và Ông Trần Hưng Th đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 68/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 29/3/2021

của Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, trước khi ly hôn tôi và Ông Th đã thỏa thuận với nhau về nghĩa vụ trả nợ số tiền vay 100.000.000 đồng và khoản tiền lãi suất phát sinh của vợ chồng Ông T, bà H là do tôi Vũ Thị Hải N tự chịu trách nhiệm, Ông Th không liên quan đến khoản nợ nêu trên của vợ chồng Ông T, bà H. Nay vợ chồng Ông T, bà H làm đơn khởi kiện tôi và Ông Trần Hưng Th số tiền vay gốc còn nợ là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và khoản tiền lãi suất phát sinh theo mức 1,66%/tháng kể từ ngày vay 26/01/2021 cho đến khi Toà án nhân dân huyện Krông Pắc giải quyết xong vụ án thì tôi có nguyện vọng là đồng ý hoàn trả cho vợ chồng Ông T, bà H số tiền vay gốc còn nợ là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và khoản tiền lãi suất phát sinh theo mức 1,66%/tháng kể từ ngày vay 26/01/2021 cho đến khi trả hết nợ cho vợ chồng Ông T, bà H.

Do tiền lương giáo viên hàng tháng của tôi là 7.200.000 đồng nhưng tôi đang còn nợ của nhiều cá nhân, tổ chức khác với số tiền khoảng 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng), ngoài ra tôi còn phải nuôi con nhỏ 10 tuổi, vì vậy trong quá trình giải quyết vụ án tôi xin trả nợ cho Ông T, bà H tiền vay gốc và tiền lãi suất phát sinh mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay tôi xin trả nợ cho Ông T, bà H tiền vay gốc và tiền lãi suất phát sinh mỗi tháng 3.000.000 đồng nhưng vợ chồng Ông T, bà H không đồng ý. Tôi yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, ngoài ra tôi không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai ngày 20/5/2022, trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn Ông Trần Hưng Th trình bày:

Vào ngày 26/01/2021 tôi và bà Vũ Thị Hải N có vay của vợ chồng Ông T, bà H số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất vay bằng miệng là 2%/tháng, thời hạn vay 01 năm tính từ ngày vay 26/01/2021 đến ngày 26/01/2022. Chúng tôi vay số tiền trên của vợ chồng Ông T, bà H để về đầu tư vốn kinh doanh trường mẫu giáo tư thục, tuy nhiên sau đó do điều kiện hoàn cảnh kinh tế khó khăn, dịch bệnh Covid 19 kéo dài nên việc làm ăn gặp nhiều thua lỗ vì vậy chúng tôi chỉ mới hoàn trả cho vợ chồng Ông T, bà H số tiền lãi suất là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) mà chưa hoàn trả cho vợ chồng Ông T, bà H được bất kỳ số tiền vay gốc nào.

Nay vợ chồng Ông T, bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu tôi và bà Vũ Thị Hải N phải có trách nhiệm hoàn trả cho vợ chồng Ông T, bà H số tiền vay gốc còn nợ là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và khoản tiền lãi suất phát sinh theo mức 1,66%/tháng kể từ ngày vay 26/01/2021 cho đến khi Toà án nhân dân huyện Krông Pắc giải quyết xong vụ án thì tôi và bà Vũ Thị Hải N cùng có nguyện vọng như sau:

Hiện nay tôi và bà Vũ Thị Hải N đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 68/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 29/3/2021 của Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, trước khi ly hôn tôi và bà N đã thỏa thuận với nhau về nghĩa vụ trả nợ số tiền vay 100.000.000 đồng và khoản tiền lãi suất phát sinh của vợ chồng Ông T, bà H là do bà Vũ Thị Hải N đứng ra tự chịu trách nhiệm, tôi không liên quan đến khoản nợ nêu trên của vợ chồng Ông T, bà H. Vì vậy, tôi không đồng ý hoàn trả cho vợ chồng Ông T, bà H số tiền vay gốc

100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và khoản tiền lãi suất phát sinh theo đơn khởi kiện của vợ chồng Ông T, bà H. Tôi yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, ngoài ra tôi không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo về việc thụ lý vụ án cho nguyên đơn, bị đơn và triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tham gia tố tụng, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải theo quy định của pháp luật. Do các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay các bên đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu của mình.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ông Nguyễn Anh T, bà Võ Thị Minh H đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Ông Trần Hưng Th, bà Vũ Thị Hải N chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 27, khoản 1, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Nguyễn Anh T và bà Võ Thị Minh H, buộc Ông Trần Hưng Th và bà Vũ Thị Hải N phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Ông Nguyễn Anh T và bà Võ Thị Minh H số tiền vay gốc còn nợ là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và khoản tiền lãi suất phát sinh là 1,66%/tháng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đơn khởi kiện của nguyên đơn Ông Nguyễn Anh T và bà Võ Thị Minh H đề ngày 25/4/2022, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Về thời hiệu khởi kiện: Đơn khởi kiện của nguyên đơn Ông Nguyễn Anh T và bà Võ Thị Minh H đề ngày 25/4/2022 là còn trong thời hiệu khởi kiện, quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xét nội dung khởi kiện: Nguyên đơn Ông Nguyễn Anh T và bà Võ Thị Minh H yêu cầu Ông Trần Hưng Th và bà Vũ Thị Hải N phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Ông T, bà H số tiền vay gốc còn nợ 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) là hoàn toàn có cơ sở pháp lý: Vì thực tế vào ngày 26/01/2021 vợ chồng Ông T, bà H có cho vợ chồng Ông Th, bà N vay số tiền 100.000.000 đồng để về đầu tư vốn kinh doanh trường mẫu giáo tư thục, khi vay Ông Th là người trực tiếp viết giấy vay tiền, vợ chồng Ông Th, bà N ký tên xác nhận dưới mục người vay tiền, hai bên thỏa thuận lãi suất vay bằng miệng là 2%/tháng, thời hạn vay là 01 năm tính từ ngày vay 26/01/2021 đến ngày 26/01/2022, vợ chồng Ông Th, bà N không thể chấp bất kỳ tài sản nào cho vợ chồng Ông T, bà H.

Việc giao kết hợp đồng giữa các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng đúng theo quy định của pháp luật. Kể từ khi vợ chồng Ông Th, bà N vay của vợ chồng Ông T, bà H số tiền 100.000.000 đồng đến nay mặc dù Ông T, bà H đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng Ông Th, bà N phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền vay gốc còn nợ theo thỏa thuận, nhưng vợ chồng Ông Th, bà N chỉ mới hoàn trả cho vợ chồng Ông T, bà H số tiền lãi suất 15.000.000 đồng, chưa hoàn trả được số tiền vay gốc nào. Như vậy, Ông Th, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Mặc dù hiện nay Ông Trần Hưng Th và bà Vũ Thị Hải N đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 68/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 29/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc. Tuy nhiên căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 27, khoản 1, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử buộc Ông Trần Hưng Th và bà Vũ Thị Hải N phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Ông Nguyễn Anh T và bà Võ Thị Minh H số tiền vay gốc còn nợ là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) là hoàn toàn phù hợp và thỏa đáng, đúng theo quy định của pháp luật.

Về lãi suất: Giấy vay tiền ngày 26/01/2021 giữa vợ chồng Ông T, Hạnh và vợ chồng Ông Th, bà N không ghi lãi suất cho vay, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bên đều thừa nhận lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận bằng miệng là 2%/tháng. Việc hai bên thỏa thuận lãi suất vay 2%/tháng là vượt quá giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

Căn cứ khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tính khoản tiền lãi suất phát sinh cụ thể như sau:

Số tiền 100.000.000 đồng, từ ngày vay 26/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 11/7/2022 là 531 ngày ($100.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 531 \text{ ngày} : 30 \text{ ngày} = 29.382.000 \text{ đồng}$).

Hội đồng xét xử buộc Ông Th, bà N phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho vợ chồng Ông T, bà H tổng số tiền vay gốc và tiền lãi suất phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm 11/7/2022 là 129.382.000 đồng. Khấu trừ số tiền lãi suất mà Ông Th, bà N đã trả cho vợ chồng Ông T, bà H 15.000.000 đồng, số tiền vay gốc và tiền lãi suất phát sinh còn lại Ông Th, bà N phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho vợ chồng Ông T, bà H là 114.382.000 đồng (Một trăm mười bốn triệu, ba trăm tám mươi hai nghìn đồng). Trong đó tiền vay gốc còn nợ là 100.000.000 đồng, tiền lãi suất phát sinh là 14.382.000 đồng.

- Về án phí: Các bên đương sự phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 184, Điều 195, Điều 203 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 429, Điều 463, khoản 1 Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 2 Điều 27, khoản 1, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Nguyễn Anh T và bà Võ Thị Minh H.

Buộc Ông Trần Hưng Th và bà Vũ Thị Hải N phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Ông Nguyễn Anh T và bà Võ Thị Minh H tổng số tiền vay gốc và tiền lãi suất phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm 11/7/2022 là 114.382.000 đồng (Một trăm mười bốn triệu, ba trăm tám mươi hai nghìn đồng). Trong đó tiền vay gốc còn nợ là 100.000.000 đồng, tiền lãi suất phát sinh là 14.382.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Trần Hưng Th và bà Vũ Thị Hải N phải chịu 5.719.100 đồng (Năm triệu, bảy trăm mười chín nghìn một trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, theo mức tính: (114.382.000 đồng x 5% = 5.719.100 đồng).

Hoàn trả cho Ông Nguyễn Anh T và bà Võ Thị Minh H số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, mà bà Võ Thị Minh H đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0016089, ngày 04/5/2022.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự”

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND huyện Krông Pắc
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, VP.

Phạm Hồng Trường